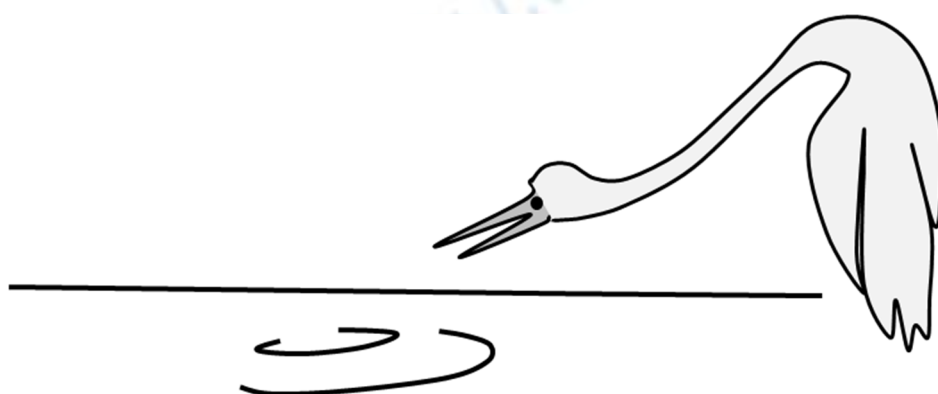


KỸ NĂNG ĐẶC ĐỊNH
GIÁO TRÌNH KIỂM TRA VÀ HỌC TẬP KỸ NĂNG NGƯ NGHIỆP
(LIÊN QUAN CHUNG TỚI NGƯ NGHIỆP)



HIỆP HỘI THỦY SẢN NHẬT BẢN
JAPAN FISHERIES ASSOCIATION
(Ấn bản đầu tiên tháng 12 năm 2019)

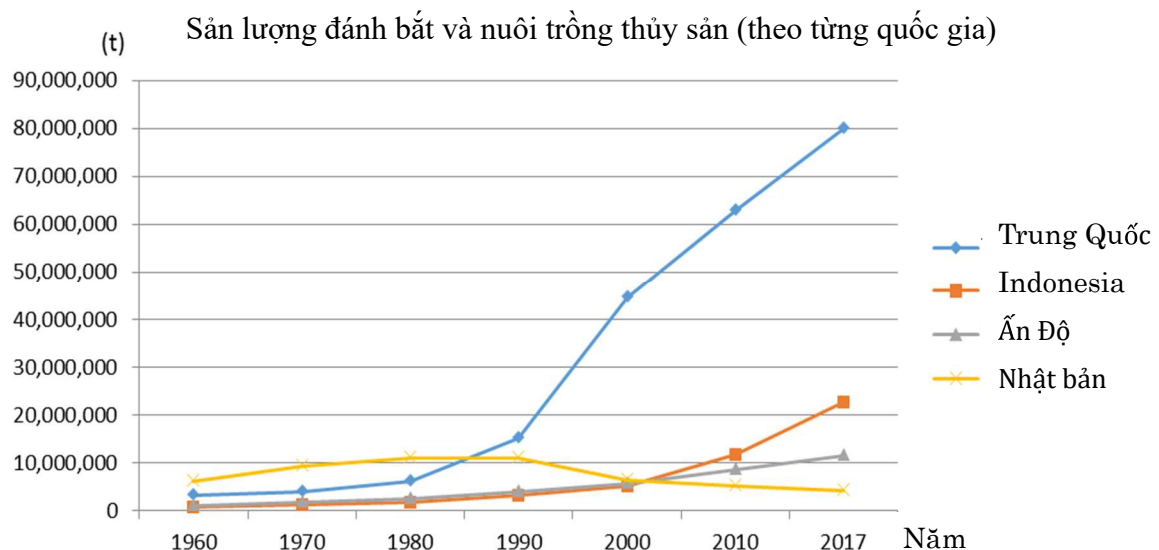
MỤC LỤC

1 . Sản lượng đánh bắt và nuôi trồng thủy sản trên thế giới	1
2 . Sản lượng đánh bắt và nuôi trồng thủy sản ở Nhật Bản	2
3 . Những loại cá chính được đánh bắt ở Nhật Bản	4
4 . Tàu đánh cá	6
5 . Thuyền viên tàu cá	7
6 . La bàn, hải đồ, điều hướng	8
7 . Dòng hải lưu, thềm lục địa	1 1
8 . Thuật ngữ ngư nghiệp	1 3
9 . Lưới đánh cá	1 4
1 0 . Cách thắt dây	1 7
1 1 . Xử lý đầu dây	2 0
1 2 . Lưỡi câu	2 2
1 3 . Thiết bị ngư cụ	2 4
1 4 . Máy dò tìm luồng cá	3 3

1 . Sản lượng đánh bắt và nuôi trồng thủy sản trên thế giới

Tổng sản lượng đánh bắt và nuôi trồng thủy sản của thế giới tiếp tục tăng. Sản lượng đánh bắt và nuôi trồng thủy sản của thế giới lên tới 25,59 triệu tấn (năm 2017), trong đó sản lượng đánh bắt bằng tàu đánh cá kể từ nửa cuối những năm 1980 là một đường đi ngang. Theo từng quốc gia, các nước có sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản cao nhất theo thứ tự là Trung Quốc (khoảng 80 triệu tấn), Indonesia (khoảng 22 triệu tấn) và Ấn Độ (khoảng 11,5 triệu tấn).

(Hình 1)



Hình 1: Sản lượng đánh bắt và nuôi trồng thủy sản (theo từng quốc gia)

(Nguồn: Sách trắng về thủy sản năm 2018)

2 . Sản lượng đánh bắt và nuôi trồng thủy sản ở Nhật Bản

Ngành thủy sản đã phát triển thành một ngành cung cấp rộng rãi cho người dân các loại thủy sản có đậm động vật và đã hình thành nên văn hóa ẩm thực rất riêng. Bên cạnh đó, nghề khai thác đánh bắt sinh vật sống dưới nước chịu tác động mạnh của điều kiện tự nhiên, tàu thuyền đánh bắt và ngư cụ phù hợp với đối tượng sinh vật nên có nhiều kỹ thuật đánh bắt khác nhau. Ngư nghiệp của Nhật Bản chủ yếu bao gồm nghề cá ven biển, đánh bắt xa bờ, nghề cá đại dương, nghề nuôi trồng thủy sản mặt nước biển và nghề đánh bắt / nuôi trồng thủy sản nội địa. Sau khi đạt đỉnh vào năm 1984, khối lượng sản xuất giảm nhanh từ khoảng năm 1995, và tiếp tục giảm dần kể từ đó. (Hình 2, Hình 2-1)

- Nghề cá ven biển

Là nghề đánh cá sử dụng các tàu đánh cá nhỏ dọc theo bờ biển. Nó cũng bao gồm lưới đặt và nuôi trồng thủy sản.

- Đánh bắt xa bờ

Là nghề đánh cá mà hoạt động chủ yếu trong phạm vi 200 hải lý (dặm) ở Nhật Bản.

- Nghề cá đại dương

Là nghề đánh cá mà hoạt động chủ yếu ngoài phạm vi 200 hải lý (dặm) ở Nhật Bản.

- Nuôi trồng thủy sản mặt nước biển

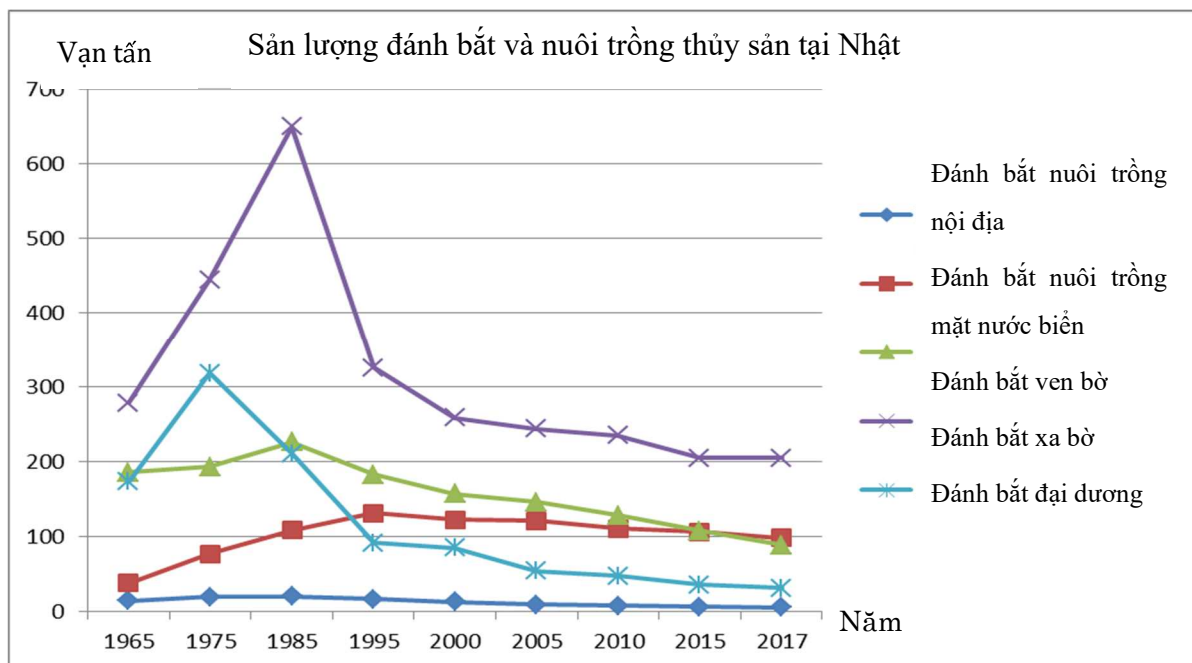
Là nghề đánh bắt nuôi trồng nhân tạo các loại cá bằng lồng cá lắp đặt trên mặt biển.

- Đánh bắt thủy sản nội địa

Thủy sản nước ngọt (sông và hồ).

- Nuôi trồng thủy sản nội địa

Là nghề đánh bắt nuôi trồng nhân tạo các loại cá bằng lồng cá lắp đặt ở vùng nước ngọt (sông, hồ)



Hình 2: Sản lượng đánh bắt và nuôi trồng thủy sản tại Nhật

(Nguồn: Sách trắng về thủy sản năm 2018)

Sản lượng đánh bắt và nuôi trồng thủy sản tại Nhật (năm 2017)

	Vạn tấn
Đánh bắt nuôi trồng thủy sản nội địa	6
Đánh bắt nuôi trồng thủy sản mặt nước biển	99
Đánh bắt ven bờ	89
Đánh bắt xa bờ	205
Đánh bắt đại dương	31

Hình 2-1 Sản lượng đánh bắt và nuôi trồng thủy sản tại Nhật (năm 2017)

(Nguồn: Sách trắng về thủy sản năm 2018)

3 . Những loài cá chính được đánh bắt ở Nhật Bản

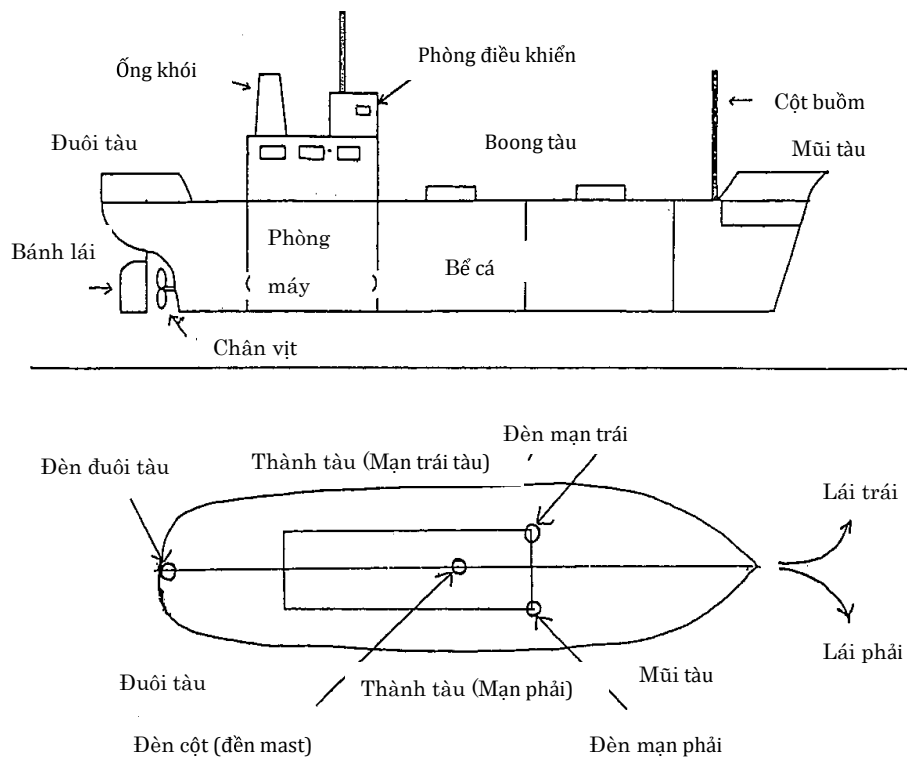
Rất nhiều loại cá khác nhau được đánh bắt ở các vùng biển xung quanh nhiều vùng biển ấm và lạnh chảy dài từ bắc đến nam dọc theo bờ biển Nhật Bản. Tùy theo những loại cá khác nhau mà đánh bắt ở độ sâu khác nhau dưới mặt nước biển, như với cá ngừ, cá mòi, cá ngừ, cá vược ... chủ yếu sống gần bề mặt biển và cua, tara, tôm, mực, v.v. thì gần phía đáy biển.

Sau đây là một số loài cá chính được đánh bắt ở vùng biển gần Nhật Bản.

	
Cá vây chân	Cá trích
	
Cua	Cá Hokke
	
Tôm	Cá cam Nhật
	
Cá chỉ vàng	Cá thu saba
	
Cá mòi	Cá tráp (điều) hồng

	
Cá hồi	Cá bơn
	
Cá tuyết	Cá ngừ vằn
	
Cá ngừ đại dương	Cá nóc
	
Cá marlin sọc	Cá thu đao
	
Cá thu tây ban nha	Mực

4. Tàu đánh cá



Hệ thống lái tàu

Mạn phải: Hướng tàu sang phải

Lái cạnh tàu: Hướng tàu sang trái

Màu ánh sáng điều hướng

Đèn cột (đèn mast)	: Trắng
Đèn đuôi tàu	: Trắng
Đèn mạn trái	: Đỏ
Đèn mạn phải	: Xanh lục

Hướng lắc của tàu:

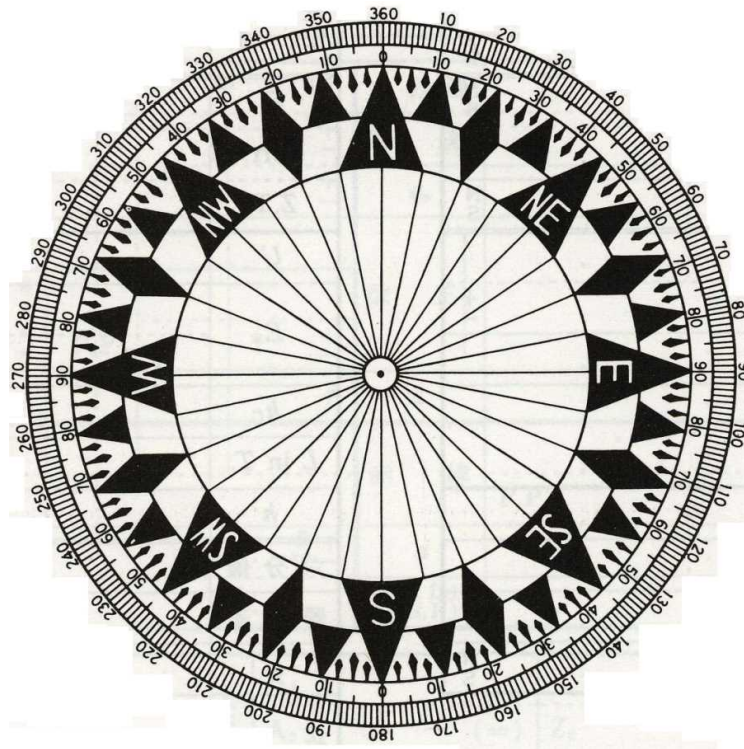
Lắc dọc	: Lắc dọc (bị sóc)
Lắc ngang	: Lăn nghiêng trái

5 . Thuyền viên tàu cá

Trưởng tàu (thuyền trưởng)	Chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động. Thuyền trưởng cũng có thể là ngư dân trưởng.
Thuyền trưởng	Chịu trách nhiệm về hoạt động của tàu.
Máy trưởng	Chịu trách nhiệm về động cơ, thiết bị điện lạnh, v.v.
Hoa tiêu	Hỗ trợ thuyền trưởng và thực hiện các công việc điều hành tàu.
Thợ máy	Hỗ trợ máy trưởng và quản lý máy móc.
Nhân viên thông tin vô tuyến	Chịu trách nhiệm về hoạt động thông tin, liên lạc, vô tuyến trên tàu
Trưởng boong	Chỉ huy toàn bộ trên boong
Trưởng kho đông lạnh	Xử lý đồ đánh bắt được và quản lý kho đông lạnh.
Trưởng bếp	Nấu ăn cho thủy thủ đoàn
Nhân viên boong	Thực hiện các việc trong ca làm việc trên tàu gồm công việc trên boong, công việc đánh cá, công việc cấp đông cá, v.v.
Nhân viên máy	Hỗ trợ các công việc liên quan đến máy móc, và công việc đánh bắt, cấp đông cá.

6 . La bàn, hải đồ, điều hướng

(1) La Bàn



La bàn là một công cụ quan trọng để xác định vị trí của một con tàu và xác định đường hướng đi (lộ trình). Những vị trí chính yếu được ký hiệu bằng chữ cái La Mã.

N : (Bắc)

N E : (Đông Bắc)

E : (Đông)

S E : (Đông Nam)

S : (Nam)

S W : (Tây Nam)

W : (Tây)

N W : (Tây Bắc)